

(Dự thảo)

PHỤ LỤC I

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỒ CHỨC CÁC KỲ THI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngày ... tháng... năm 2025 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Chi tiền công cho các chức danh			
1.1	Hội đồng/Ban ra đề thi			
a	Chủ tịch/Trưởng Ban	Người/ngày	700	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	600	
c	Thư ký, bảo vệ, y tế, công an, kỹ thuật viên vòng trong (24/24h)	Người/ngày	550	
d	Thư ký, công an, bảo vệ, y tế, phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	300	
1.2	Hội đồng/Ban in sao đề thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	700	
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	600	
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ, y tế làm việc cách ly vòng trong (24/24h)	Người/ngày	550	
d	Công an, bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ khác vòng ngoài	Người/ngày	300	
1.3	Ban vận chuyển và bàn giao đề thi			
a	Trưởng ban	Người/ngày	700	
b	Thành viên, công an	Người/ngày	400	
1.4	Ban Chỉ đạo thi (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT, Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp)			
a	Trưởng ban	Người/ngày	1 000	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	900	
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	700	
d	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	300	
1.5	Hội đồng thi/Ban tổ chức			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	700	
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó trưởng ban	Người/ngày	650	
c	Ủy viên/Thành viên	Người/ngày	600	
1.6	Ban Thư ký			
a	Trưởng ban	Người/ngày	650	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	600	
c	Ủy viên	Người/ngày	550	
d	Công an, bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ khác	Người/ngày	300	
1.7	Hội đồng/Ban Coi thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	700	
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	650	
c	Trưởng Điểm	Người/ngày	600	
d	Phó Trưởng điểm	Người/ngày	550	
đ	Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi, cán bộ giám sát, kỹ thuật viên	Người/ngày	500	
e	Trật tự viên, y tế, công an, bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	300	
1.8	Ban/Tổ Làm phách			
a	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	700	
b	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	600	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly vòng trong (24/24 h)	Người/ngày	550	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, y tế vòng ngoài	Người/ngày	300	
1.9	Hội đồng/Ban chấm thi/Ban giám khảo			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	700	
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	600	
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, thành viên	Người/ngày	500	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, y tế	Người/ngày	300	
2	Tiền công ra đề thi			
2.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
a	Chủ trì	Người/ngày	800	
b	Các thành viên	Người/ngày	600	
2.2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận			
a	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp	Đề theo phân môn	450	
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đề theo phân môn	550	
c	Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đề theo phân môn	650	
2.3	Tiền công ra đề chính thức và dự bị, in sao đề thi			
a	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Người/ngày	700	
b	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp	Người/ngày	700	
c	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Người/ngày	750	
d	Thi lập đội tuyển học sinh giỏi dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Người/ngày	800	
3	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
3.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
a	Chủ trì	Người/ngày	650	
b	Thành viên	Người/ngày	550	
3.2	Tiền công đối với câu hỏi			
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	35	
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	30	
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	25	
d	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	18	
đ	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	5	
3.3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
a	Chủ trì	Người/ngày	800	
b	Thành viên	Người/ngày	600	
4	Tiền công chấm bài thi (chấm 02 vòng)			
4.1	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông (chấm tối thiểu 20 bài/ngày)	Người/ngày/ vòng	500	
4.2	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (chấm tối thiểu 10 bài/ngày)	Người/ngày/ vòng	600	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
4.3	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông (chấm tối thiểu 20 bài/ngày)	Người/ngày/ vòng	500	
4.4	Thi lập đội tuyển học sinh giỏi dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (chấm tối thiểu 10 bài/ngày)	Người/ngày/ vòng	600	
5	Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó tổ chấm thi: Thi chọn học sinh giỏi tỉnh; thi tuyển sinh đầu cấp phổ thông; thi lập đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia	Người/đợt	300	
6	Tiền công tập huấn các đội tuyển cấp tỉnh dự thi kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia			
6.1	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	500	Thời gian tập huấn không quá 60 ngày/đợt, tính từ ngày thành lập đội tuyển
6.2	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	1 000	
6.3	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	1 000	
6.4	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	500	
6.5	Chi tiền ăn ở đi lại cho giáo viên tổ chức các cuộc họp Ban Tập huấn đội tuyển; và học sinh trong quá trình tham gia tập huấn đội tuyển; Chi tiền ăn, ở, đi lại cho giáo viên và học sinh trong quá trình tham dự kỳ thi giỏi các cấp	Thực hiện theo Nghị quyết quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo hiện hành		
6.6	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền nước uống cho học sinh trong quá trình tập huấn đội tuyển và tham dự kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia, tham dự kỳ thi đội tuyển quốc gia thi khu vực	300.000đ /ngày/học sinh (thanh toán theo thời gian thực tế phát sinh)		
7	Tiền công chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (áp dụng cho thanh tra kiêm nhiệm và người tham gia đoàn kiểm tra; trường hợp thanh tra là thanh tra viên trở lên chỉ áp dụng kỳ thi tổ chức vào thứ 7, chủ nhật).			
7.1	Trưởng đoàn	Người/ngày	700	
7.2	Phó trưởng đoàn	Người/ngày	600	
7.3	Thành viên	Người/ngày	500	
7.4	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	550	

100

100